

VIỆT-NAM VĂN HIẾN

NĂM THỨ 4870
(TÂY LỊCH NĂM 1991)

BẠCH THƯ

VIỄN ẢNH NƯỚC VIỆT-NAM VÀ KHÁT VỌNG NGƯỜI DÂN VIỆT

LỜI MỞ ĐẦU

Bản Bạch-Thư này được viết với công tâm và chân tình của những người dân Việt. Nó công bố những sự thật về hiện tình nước Việt-Nam, về những viễn ảnh của đất nước và về những giải pháp cho đất nước trong giai đoạn hiện tại. Nó cũng nói lên những khát vọng của người dân, đồng thời thể hiện mối quan tâm và sự hiểu biết của người dân bình thường học hỏi được từ những kinh nghiệm của đời sống thực tế, từ những vinh nhục, thành bại của tiền nhân trong suốt dòng lịch sử.

Xin trân trọng gửi tới:

- Toàn thể đồng bào Việt-Nam, các nhà lãnh đạo trong và ngoài nước,
- Chính quyền và nhân dân các nước yêu chuộng tự do nhân bản.

Một bản Bạch-thư do người dân viết và công bố có thể là một sự khác thường nhưng không phải là một điều nghịch lý.

Từ ngàn xưa người Đông phương đã có quan niệm "**Dân vi quý**" dân vốn là gốc rễ của quốc gia. Dân như dòng nước, chế độ như con thuyền ngự trị trên nước. Nước nâng thuyền và không phải tự nhiên nước làm đắm thuyền; dân thường tôn trọng chính quyền và những người lãnh

đạo quốc gia, nhưng dân không phải là nô bộc của chế độ.

Từ ngàn xưa trong nếp sống văn hiến của dân tộc Việt cũng đã lưu truyền quan niệm tôn trọng dân ý: "**Ý dân là ý trời**". Nhưng ý dân có thường được tôn trọng hay không? và ngược lại sự thể hiện ý có chính đáng và phù hợp với quyền lợi tối hậu của cả dân tộc hay không? Đó là câu hỏi cần phải được đặt ra cho các nhà lãnh đạo, cho những nhà văn hóa giáo dục và cho toàn dân.

Dân ý liên hệ vô cùng đến sự hưng vong của đất nước, vì nó được kết thành bởi Dân tâm, Dân trí và Dân khí - những yếu tố sinh tồn chủ yếu của dân tộc. Theo lẽ thường, Dân tâm có thuần hậu thì dân tộc mới có hòa bình an lạc, Dân trí có sáng suốt thì quốc gia mới tiến bộ văn minh, Dân khí có quật cường thì giống nòi mới hưng thịnh bền vững. Ngược lại nếu Dân tâm điên đảo, Dân trí u mê, Dân khí rụt rè sợ sệt thì dân tộc phải suy vong.

Nội dung bản Bạch-thư gồm có 5 phần:

- **Phần I : Thực trạng đất nước.**
- **Phần II : Những bài học lịch sử.**
- **Phần III : Viễn ảnh của đất nước.**
- **Phần IV : Khát vọng người dân Việt.**
- **Phần V : Giải pháp đề nghị.**

Bản Bạch-thư này xin giữ tính khách quan, vô tư, đồng thời thể hiện sự thẳng thắn, trung thực và tinh thần thuận thảo bao dung nhưng bất khuất của người bình dân trong truyền thống Việt.

Trân trọng,

I. THỰC TRẠNG ĐẤT NƯỚC.

Thế giới vừa bước vào thập niên 90 với những biểu hiện sáng ngời của tinh thần Tự-do Dân-chủ, với sự tan rã của khối Cộng-sản Đông-Âu và Liên-Sô, với những thành tích kỹ thuật vượt bậc để chuẩn bị bước sang thế kỷ 21. Trước bậc thềm của kỹ thuật cao độ và của nền văn minh mới, Việt-Nam đã được nhìn thấy như thế nào?

- MỘT ĐẤT NƯỚC TAN NÁT:

Sau thế chiến thứ hai, Việt-Nam đã bỏ lỡ một cơ hội hiếm hoi giành lại **tự do và tự chủ**, để lại bị xô đẩy vào cuộc chiến tranh ý thức hệ cốt nhục tương tàn kéo dài suốt 30 năm. Đây chính là sự sai lầm lớn nhất thế kỷ. Trong vinh quang vội vã của **một nền độc lập chưa có tự chủ**, người dân Việt đã phải trả giá cho lỗi lầm lãnh đạo của thập niên 40 ấy bằng sinh mạng, bằng oan khiên, uất hận, bằng tù đầy, xiềng xích, bằng sự nghèo đói, lầm than, thất học...Đất nước bị cày nát bởi bom đạn. Môi sinh bị tàn phá bởi thuốc khai quang. Nguồn tài nguyên thiên nhiên bị phá hoại trầm trọng. Nguồn nhân lực bị lãng phí oan uổng. không những thế, cả dân tộc còn phải trả giá bằng sự khinh kiệt niềm tin ở lãnh đạo, ở sự mất mát những giá trị tinh thần truyền thống và sự hoài nghi hoặc chối bỏ lương tri con người. Kết quả, **một đất nước tan nát đã gây nên sự phá sản toàn bộ xã hội và con người, sự sai lầm về lãnh đạo đã chặn đứng đà tiến hóa của dân tộc ít nhất nửa thế kỷ.**

- MỘT DÂN TỘC CHIA LÌA:

Chiến tranh, tàn phá, nghèo đói, chậm tiến, người bóc lột người, người hành hạ người... hiển nhiên là những thảm họa đau thương nhất của dân tộc; cho nên trong thời chiến người dân Việt cả hai miền Nam Bắc đều mong mỗi đất nước sớm thanh bình và đều nuôi một niềm hy vọng rằng sau khi chiến tranh chấm dứt và một nền hòa bình được văn hồi, cả nước sẽ xóa nhòa được những dị biệt, sẽ hàn gắn được tình người, sẽ chung sức tái thiết quốc gia, phát triển kinh tế, văn học, kỹ thuật... để trước hết có cơm no áo ấm và một đời sống yên vui trong tình tự dân tộc; sau, có thể đuổi kịp đà tiến hóa của thế giới.

Chiến tranh đã chấm dứt vào tháng tư năm 1975 sau khi Bắc-Việt hoàn tất cuộc giải phóng miền Nam bằng võ lực. Nền Đệ Nhị Cộng-Hòa sụp đổ. Quân đội miền Nam buông súng. Cuộc chiến 30 năm đã chấm dứt nhưng tiếc thay **nền hòa bình mong đợi đã không bao giờ được văn hồi**; vì ngay khi tiếng súng chấm dứt thì cả nước biến thành một trại giam khổng lồ; một nền thống trị khắc nghiệt tàn bạo được thiết lập bởi kẻ chiến thắng. Huyền thoại “giải phóng” đã tan tành trong sự đau xót, tủ nhục, uất ức, khốn quẫn của người dân cả hai miền Nam Bắc. Làn sóng người vượt biển vượt biên tìm tự do chưa từng thấy đã xảy ra ngoài sức bao dung của các nước có truyền thống nhân đạo trên thế giới. Những con số thống kê với hàng trăm ngàn người chết đuối hoặc bị hải tặc sát hại trên biển Đông chưa đủ để nói lên nỗi đau thương thống khổ của những người mất nước, cũng không đủ để làm nản lòng những người trong nước còn đang hướng về những bến bờ tự do vô định. Một dân tộc

đã bị chia lìa giữa hai chiến tuyến suốt 30 năm, ngày nay lại bị xé vụn ra từng mảnh trong bàn tay cứu vớt của thế giới bao dung.

- MỘT XÃ HỘI NGHÈO ĐÓI, LẠC HẬU:

"Cái nhục của sự nghèo đói lạc hậu cũng không thua kém cái nhục của sự mất nước"; sự thật này đã được nói lên bởi chính người dân trong nước. Cả nước nghèo đói tả tơi mặc dầu những thành tích lao động vượt chỉ tiêu luôn luôn được tuyên dương, mặc dầu một số mặt hàng như gạo, dầu thô đã được ghi thêm vào trong danh sách hàng xuất khẩu... Những điều chỉnh vĩ mô về cơ cấu đầu tư và kinh tế luôn luôn được nói đến nhưng tình hình kinh tế càng ngày càng suy sụp. Nạn lạm phát không thể kiềm chế. Những vụ vỡ nợ tín dụng tràn lan. Xu hướng thương mại hóa xâm nhập vào cả các cơ quan văn hóa, y tế, giáo dục, nội chính, ngoại giao... Bất công xã hội gia tăng. Thầy giáo bỏ trường vì túng thiếu, học sinh bỏ trường vì nghèo đói. Trong bản sắp hạng quốc tế, Việt-Nam là một trong năm nước nghèo đói nhất thế giới.

Nhìn xa hơn nữa, sự nghèo đói lầm than cơ cực chẳng phải chỉ là một cơn bệnh thời tiết; giới y học cho rằng tình trạng thiếu dinh dưỡng và sợ sệt lo lắng triền miên đang làm suy thoái nòi giống trầm trọng.

Phần uất chán chường về những ảo ảnh của một thiên đường không có đủ cơm gạo, của một thế giới thiếu thành thật và thiếu tình người, giới trí thức trong nước nổi dậy đòi hỏi sự ngay thẳng của nhà cầm quyền. Ngay cả các tầng lớp cán bộ trung kiên cũng biểu lộ sự bất mãn cùng cực, các thành phần kháng chiến cũ ra mặt chống đối.

Với đời sống kinh tế suy sụp, những tệ nạn xã hội như cướp bóc, mại dâm, gian dâm, ma túy, tham nhũng, hối lộ, người hành hạ người... càng ngày càng gia tăng trầm trọng. Thêm vào đó đời sống tinh thần cả nước đang lún sâu trong vũng bùn: lòng người ly tán, chán nản, hoài nghi, thiếu thật thà, tham lam, ganh ghét, đố kỵ; tầm hiểu biết của người dân bị thu hẹp; phản ứng của dân chúng từ sợ hãi, rụt rè, biến thành thờ ơ, phản kháng tiêu cực.

Trong tình trạng suy sụp chung của các nước Xã-hội Chủ-nghĩa anh em, nhà nước lúng túng không tìm ra lối thoát; mọi kế hoạch, sách lược chỉ nhằm mục đích duy trì chế độ.

- MỘT DI SẢN KHÔNG CÓ KẾ THỪA:

* Ở trong nước, hơn 60 triệu người dân đang sống nghèo đói tả tơi trên

mảnh gia sản được gọi là tiền rừng bạc bể. Nửa thế kỷ gian lao, những người mang trách nhiệm trước lịch sử vẫn chưa tìm ra đâu là nền tảng vững chắc để xây dựng nước nhà. Hãy tự hỏi người dân Việt còn có thể vững tin ở quê hương gấm vóc, ở truyền thống ưu tú, ở nền văn hiến lâu đời, ở hơn bốn ngàn năm lịch sử đầy thử thách và đầy dấu vết nhân bản của dân tộc mình hay không?

- Sự phá sản toàn bộ xã hội và con người như đã nêu trên là bằng chứng rõ rệt nhất của sự mất niềm tin và mất kế thừa.

* Nhìn ra hải ngoại, từ những mất mát về vật chất lẫn tinh thần khi bỏ nước ra đi, sự hội nhập văn hóa Tây phương và đời sống sung túc ở các nước tự do có thể chứng minh cho sự thăng tiến con người hoặc biện minh cho những suy thoái tâm lý hay không?

- Trong những xã hội mà cơ hội phát triển lợi tức được tôn trọng và khuyến khích, phần lớn người Việt ở hải ngoại đã bước vào đời sống hoặc với sự đam mê làm giàu, tôn sùng những giá trị vật chất; hoặc với sự khát phục của con người trong guồng máy khai thác trục lợi của kinh tế tư bản. Thế hệ cha mẹ và con cái dần dần cách biệt do sự hội nhập quá nhanh chóng của lớp trẻ đang lớn lên trong nền văn hóa Tây phương xa lạ. Những thảm cảnh gia đình cùng với những vết thương xã hội bắt đầu xuất hiện. Mặc dầu giới trẻ đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng sự khủng hoảng niềm tin, mất định hướng, mất đối tượng xây dựng, mất truyền thống văn hóa và mất sự kế thừa là thực trạng đầy ưu tư của người dân Việt ở hải ngoại.

NGƯỜI DÂN VIỆT NGHĨ GÌ TRƯỚC THỰC TRẠNG ĐẤT NƯỚC?

Trong thực trạng của một đất nước tan nát, một dân tộc chia lìa, một xã hội suy đồi, một di sản ngàn năm không được thừa kế; người hải ngoại nhìn về đất nước chỉ thấy một trời u ám cách biệt; người trong nước nhìn về tương lai chỉ thấy sự nghèo đói hăm hiu.

Đất nước Việt-Nam, dù trải qua 30 năm chiến tranh tàn phá vẫn không đến nỗi thiếu thốn tài nguyên, nghèo nàn nhân lực. Người Việt-Nam dù trăm ngàn thử thách dập vùi, vẫn chưa mất khả năng sáng tạo và phát triển. Sự suy sụp toàn diện xã hội và con người tất phải có nguyên nhân. Nhìn lại thực trạng thâm hiểm của nước nhà trong lúc thế giới đang dững mãnh bước vào kỷ nguyên văn minh mới, những ai là người có lòng với quê hương dân tộc không khỏi đau lòng! Thời gian cùng nguồn tài

nguyên thiên nhiên, nhân năng, nhân lực và cả nhân tâm đang bị lãng phí một cách trầm trọng và oan uổng. Hàng triệu khối óc ở trong nước đang bị tê liệt trong nguồn máy lao động rỉ sét và quá lỗi thời; hàng trăm ngàn chuyên viên, sinh viên kỹ thuật ở hải ngoại – một con số du học sinh chưa từng thấy trên thế giới – được trang bị những kiến thức cấp tiến không tìm được đối tượng phục vụ đích thực.

Nếu thẳng thắn nhìn vào những nguyên nhân đã gây nên thực trạng suy sụp của đất nước hôm nay, có những sự thật hiển nhiên không thể không nói đến:

- **Đó là những sự thật về một nền văn hóa mất gốc.** Nó đã mất gốc ngay từ những biến cố đầu thế kỷ, khi cơn cuồng phong của nền văn hóa duy lý và tinh thần duy vật Tây-phương đã đánh bật và cuốn phăng đi những lũy tre già kiên nhẫn nhất thể hiện cho tinh thần văn hiến ngàn đời của dân tộc Việt-Nam.

- **Đó là những sự thật về những nền giáo dục ngu dân, hủy diệt tình người, hủy diệt tính quật cường cần thiết của con người,** làm cho dân tâm ly tán, dân trí u mê và làm cho con người chỉ còn biết một sự khôn ngoan duy nhất và biết khuất phục cường quyền và thế lực kẻ mạnh để được yên thân phục vụ cho tư lợi.

- **Đó là những sự thật về một chính sách kinh tế lạc hậu, một đường lối quản trị thấp kém.** Những điều đó nói lên một cách rõ rệt sự hẹp hòi u tối của những quan niệm quản trị đã trở thành định kiến, gò bó trong công thức tư duy, không được sự soi sáng của trí tuệ con người.

- **Đó là sự thật về những quan niệm chính trị cố chấp lỗi thời và sự lãng phí của những chế độ độc tài chuyên chính.** Từ xưa đến nay, các chế độ độc tài trong lịch sử chưa từng làm nên những sự nghiệp hữu ích cho dân tộc và nhân loại, Với những thăng tiến của tư tưởng loài người và sự mở mang dân trí, chính trị phải được quan niệm khác hơn là những tham vọng chuyên chính hoặc những thủ đoạn nắm chính quyền; một nền Dân chủ phải được nhìn nhận khác hơn là sự nhìn nhận người dân được quyền làm chủ cái vai cày của mình, cho dù cái vai cày ấy có được coi là phương tiện sản xuất chân chính.

II. NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ.

Trước hiện trạng suy vi của đất nước, sự lảng tâm suy nghiệm những bài học lịch sử để học hỏi những kinh nghiệm của tiền nhân là điều tối ư cần thiết. Trải qua những cơn thăng trầm của đất nước với những kinh

nghiệm tích lũy từ ngàn đời, người dân Việt ngày nay có thể vững tin ở những giá trị truyền thống của dân tộc mình. Chữ **Việt** có ý nghĩa bình dị nhất là vượt. Người dân Việt đã hơn bốn ngàn năm chân cứng đá mềm, vượt núi rừng, vượt gian lao, từ Động-Đình Ngũ-Lĩnh tiến về miền đồng bằng sông Hồng sông Cửu lập quốc. Đất nước Việt chẳng phải chỉ trải qua đôi ba cơn bể dâu nghiêng ngả; trên bước đường sinh tồn và tiến hóa, tiền nhân đã vượt qua biết bao nhiêu thử thách để bảo tồn quốc gia dân tộc mà những chứng tích cụ thể của một nền văn hiến lâu đời cộng thêm với ý chí tự chủ bất khuất của người dân bình thường đã chứng tỏ nó phải là đất nẩy mầm của một nền nhân bản đích thật.

1- NHỮNG ĐIỂM SON CỦA DÂN TỘC.

— Trong sự suy nghiệm về những giá trị truyền thống, trước hết phải nhắc nhở tới **tinh thần tự chủ** ngàn đời với **truyền thống quật cường bất khuất** của dân tộc ta. Tinh thần ấy đã được thể hiện đầy ý nghĩa từ thời họ Hồng-Bàng mở nước với cái vượn vai của cậu bé làng Phù-Đổng nhổ tre thay roi sắt đánh đuổi giặc ngoại xâm. Tinh thần ấy đã được biểu lộ vô cùng oanh liệt vào thời Bắc thuộc với các cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng, Bà Triệu mở đầu cho các cuộc quật khởi của các bậc nghĩa sĩ anh hùng và của toàn dân trong suốt dòng lịch sử. Tinh thần ấy đã được lưu truyền cho hậu thế bằng ba bản **Tuyên-cáo Tự-chủ** lừng danh: Bản tuyên cáo thứ nhất là bốn câu thơ khích lệ tinh thần quân sĩ của lão tướng Lý Thường-Kiệt đời nhà Lý; thứ hai là bản thiên cổ hùng văn "Bình Ngô Đại Cáo" của Nguyễn-Trãi đời hậu Lê; thứ ba là bài văn nômi khích lệ tướng sĩ trước khi xuất trận đại phá quân Thanh của vua Quang-Trung vào mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789.

— Tiếp đến phải nói đến **ý thức hợp quần** kết thành sức mạnh đồng tâm của dân tộc Việt. Ý thức ấy hiển nhiên đã chặn đứng được đoàn quân bách chiến bách thắng của Nguyên chủ Hốt-Tát-Liệt trong thời nhà Trần chống quân Mông-Cổ. Hội nghị Diên-Hồng giữa vua cùng dân thể hiện trọn vẹn tinh thần đồng tâm hiệp lực của dân tộc trước nguy cơ quốc phá dân nô. Sức mạnh của sự "Đồng tâm hiệp lực" ấy chứng tỏ sự thăng hoa của trí tuệ con người; nó khác với sức mạnh sắt máu được tạo thành dưới mô thức "Đoàn kết nhất trí", ở đây cái trí khôn của hàng triệu con người bị san bằng dưới cái trí ngu của kẻ lộng quyền bạo ngược.

— Thứ ba, trong cơn bể dâu của dân tộc ngày nay, cần phải nhắc lại tinh thần cuộc khởi nghĩa Lam-Sơn: "Lấy chí nhân thay cường bạo, đem đại nghĩa thắng hung tàn". Sau mười năm gian lao thử thách, tình người và nghĩa cả đã kết hợp được toàn dân và giải cứu được đất nước.

— Lại rất cần phải nói tới **tinh thần văn-hiến** của dân tộc ta. "Bốn ngàn năm văn hiến" là niềm reo vui vinh quang nhất của dân tộc. Người dân Việt từ ngàn xưa vốn quen ngồi trên mình trâu hơn lưng chiến mã, nhưng trước bạo lực áp bức, biết quật cường để bảo vệ lẽ sống tự chủ. Ý niệm văn-hiến thể hiện ở tinh thần tự chủ: không cam tâm làm nô lệ kẻ khác nhưng cũng không đang tâm bắt kẻ khác làm nô lệ cho chính mình. Ý niệm văn hiến còn thể hiện ở ý thức bao dung, ở sự tỏa sáng của nhân tính và trí tuệ con người trong những qui ước sống chung của xã hội.

— Những điểm son của dân tộc còn phải được nêu lên ở truyền thống dân chủ "Phép vua thua lệ làng" với nếp sống trọng đức tôn hiền, ở tinh thần bình đẳng trách nhiệm và tình yêu thương ruột thịt "bọc mẹ trăm con".

Những giá trị truyền thống đương nhiên không phải chỉ có ngàn ấy, nhưng ngàn ấy đã đủ để nói lên cái bản sắc thủy chung của một dân tộc tự chủ bất khuất, dân tộc "vốn xưng văn hiến đã lâu"

2- NHỮNG BÀI HỌC ĐAU THƯƠNG TRONG LỊCH SỬ.

— Bài học vỡ lòng chính là bài học **Cổ-Loa**, bài học về một nền độc lập trong vỏ ốc của vua Thục An-Dương-Vương. Thành Cổ-Loa là kiến trúc vĩ đại của dòng Việt được xây dựng đồng thời với Vạn-Lý Trường-Thành ở phương Bắc. Nhờ sự trợ giúp của thần Kim-Quy ở giãỵ Hồng-Lĩnh, nó đã vươn cao lên ngạo nghễ như một thách thức trước những mưu đồ xâm lăng của dị tộc. Vua Thục An-Dương-Vương đã xây dựng nền độc lập trong vỏ ốc của mình trên những ưu thế vật chất của lũy cao thành chắc, của vũ khí vay mượn và bằng kế hoạch thần phục đế quốc nhà Tần, dâng người hiền cho ngoại tộc. Thế nhưng thành Cổ-Loa dù vô cùng kiên cố, cũng vẫn phải tan tành trước những âm mưu và sức công phá của họ Triệu. Nó phải sụp đổ vì nó chỉ là một khối vật chất vô tri. Không những thế nó còn là cái cớ cho nàng My-Châu chung thủy vô tình phản quốc hại nhà, dứt áo lông ngỗng, tức là dứt bỏ cái biểu tượng cao quý của văn hóa dân tộc mình, trải trên đường bôn tẩu để dẫn đường cho kẻ thù theo sau lưng truy diệt.

— Bài học kế tiếp, bài học đau thương nhất, ngàn năm không thể quên là bài học **mất tự-chủ**: một ngàn năm làm thân trâu ngựa cho giặc thù phương Bắc; một trăm năm rên siết dưới ách đô hộ tham tàn của thực dân phương Tây; gần đây nhất là mấy chục năm dân tộc bị mất tự chủ văn hóa trước sức bành trướng của ý-thức hệ duy vật. Không kể những thảm họa đau thương nhục nhã mà người dân lành phải gánh chịu, cái

hiểm họa chung cho dân tộc, cái di hại cho muôn đời chính là thảm trạng **mất văn hóa**. Một đất nước mất chủ quyền kinh tế có thể được cứu vãn bằng những kế hoạch sáng suốt của nhà cầm quyền và sự cần cù nhẫn nại của người dân; một quốc gia mất chủ quyền chính trị có thể phục hồi bằng một cuộc đồng tâm quật khởi; **nhưng một dân tộc đã mất tự chủ văn hóa thì không một giá trị truyền thống nào, không một sức mạnh quật khởi nào có thể tồn tại; chỉ còn có bạo lực và sự dối trá ngự trị mà thôi. Đó chính là nguy cơ diệt vong của dân tộc.**

– Bài học đau thương không kém là bài học **mất tình nghĩa đồng bào**: bài học Sông Gianh với hơn một thế kỷ huynh đệ tương tàn. Giữ lại trang lịch sử đau thương ô nhục đó, người ta không tìm thấy dấu vết của tính hiếu chiến và mối hận thù nào ở người dân Việt hiền hòa, mà chỉ thấy ở kẻ lãnh đạo thiên cận những tham lam, cố chấp, bạo ngược, độc tài...

– Người ta cũng không thể quên những bài học Trần-Thiểm-Bình, Lê-Chiêu-Thống, mang thân quy lụy ngoại bang để mong cũng cố địa vị và quyền lực; bài học Hồ-Quý-Ly lộng quyền để lụy đến muôn dân. Trong lúc quốc gia suy vi, lòng người ly tán, nếu như có kẻ hiền tài đứng lên lãnh đạo, thu được nhân tâm về một mối thì hẳn là điều muôn vàn may mắn về vang cho dân tộc; nhưng nếu chỉ có quyền lực bị thu về một mối, thì chắc chắn đó chỉ là điều đại bất hạnh, chỉ là một mối đại họa cho dân tộc mà thôi.

– Bài học gần đây nhất là bài học **mất niềm tin**: sự khủng hoảng niềm tin bắt đầu khi có sự va chạm với văn minh Tây phương. Bản điều trần của ông Nguyễn Trường-Tộ đòi vua Tự-Đức nhà Nguyễn đã như một trái bom làm choàng tỉnh những người đang say ngủ, nhưng đồng thời cũng làm lung lay sự tin tưởng vào những giá trị văn hóa nhân bản đã có từ ngàn xưa. Sự khủng hoảng niềm tin ấy được cảnh giác kể từ cụ Phan-Bội-Châu, người đã khởi xướng phong trào Đông-du, và cũng là người đã ý thức cái giá trị đích thật của văn hóa dân tộc:

“Trong túi mình có bảo châu mà lại đi ngửa tay xin người từng hạt gạo, đó chẳng phải là điều hết sức kỳ quái hay sao?”.

Sự khủng hoảng niềm tin ấy trở nên trầm trọng hơn nữa khi những chủ nghĩa văn hóa ngoại lai được du nhập vào Việt-Nam, xé nát dân tộc thành từng mảnh vụn, hủy diệt những giá trị nhân bản, biến con người thành những con thú hoang say máu sẵn sàng tàn sát đồng loại không chút nương tình.

– Từ cơn khủng hoảng niềm tin ấy, bài học thực tế là sự phá sản toàn bộ

xã hội và con người:

Đã có một thời người dân Việt, trước các áp lực của các nền văn hóa ngoại tộc, từng hiên ngang đứng lên đầu lung với nhau, muôn người như một, đồng loạt chĩa những mũi dáo sắc bén ra bên ngoài để bảo vệ những giá trị thiêng liêng, bảo vệ lẽ sống tự chủ hòa bình của dân tộc.

Không may lại cũng đã có một thời, khi lẽ sống của người dân bị tước đoạt và những giá trị truyền thống không còn được nói đến nữa, cùng một lúc những áp lực bên ngoài trở nên mạnh mẽ hơn; những mũi dáo sắc đã quay vào nhau. Người ta nghe thấy tiếng cãi vã thay cũ đổi mới. Người ta nghe thấy tiếng thét đứt ruột của kẻ lâm nạn. Người ta nghe thấy tiếng reo mừng của kẻ chiến thắng. Người ta nghe thấy tiếng bước chân vội vã của kẻ tháo chạy. Người ta nghe thấy tiếng vắn mình đau đớn của một xã hội Việt-Nam sụp đổ!

Những điều trông thấy, kể từ khi cuộc chiến Đông Dương bùng nổ, là một xã hội Việt-Nam ly tán, hận thù, độc ác, bất công, tham lam, sa đọa, thiếu thật thà, thiếu bao dung, thiếu tình người và thiếu nghĩa làm người. Còn gì để mà dẫu giẫm nữa khi những bất công và những tệ nạn xã hội đã càng ngày càng phơi bày theo cái nghèo đói và lòng tham lam của con người. Còn để che đậy nữa, khi lòng căm thù được đưa vào việc giáo dục ở học đường từ thuở ấu thơ. Ở trong một xã hội đầy rẫy những giành giật, bất công, con người không thể phát triển được tính bao dung, thương yêu, tha thứ; trái lại càng ngày càng trở nên hẹp hòi, ích kỷ, cố chấp, ganh ghét, bới móc, oán hận... Trong một xã hội rã rời bị đè nặng bởi bóng đen của sự khủng bố, dân trí càng ngày càng trở nên u mê thụ động; người dân cũng không thể bảo tồn được tính quật cường, tự chủ và tinh thần liên đới, trách nhiệm để vươn lên trong lẽ sống văn minh của trí tuệ loài người.

Khi lẽ sáng của trí tuệ mất đi thì chỉ còn có dối trá và bạo lực ngự trị.

Qua sự suy nghiệm những bài học lịch sử trên đây, bây giờ trở về với chữ "Việt**" ở những dòng đầu: trở về với ý thức vượt thắng của truyền thống Việt.**

Câu hỏi cho thế hệ chúng ta là những người đang gánh vác trọng trách lãnh đạo có đủ can đảm vượt qua những chông gai thử thách, những cố chấp tham vọng, những bóng tối của hận thù, những ma lực của ý thức hệ và những lôi cuốn của các nền văn minh ngoài con người để xây dựng

lại một nếp sống an lạc, một nền chính trị quân bình hòa hợp trong lẽ sống tự chủ cho toàn dân tộc hay không?

III. VIỄN ẢNH CỦA ĐẤT NƯỚC.

– Không ai tiên đoán được một cách chính xác những gì sẽ xảy ra ở một tương lai quá xa; nhưng căn cứ vào những hiện tượng đang xảy ra người ta có thể tiên liệu không sai lạc lắm những gì đã gần tới.

– Từ những viễn ảnh của đất nước, có những giải pháp đã được đề nghị hoặc đã được áp dụng. Những giải pháp ấy có thể đưa đến một đáp án cho những vấn đề của đất nước hay không?

– Những biến chuyển về tâm lý và nhận thức của người dân có ảnh hưởng gì đến việc đi tìm một giải pháp cho đất nước?

A-NHỮNG VIỄN ẢNH CỦA VIỆT-NAM.

Vào năm 1975 ở Việt-Nam có lẽ không ai nghĩ rằng các nước Xã-hội Chủ-nghĩa Đông-Âu sẽ sụp đổ, hoặc ít nhất không ai tin rằng nó có thể sụp đổ một cách nhanh chóng đến như thế. Cho đến năm 1989 sau khi các dân tộc Đông-Âu tự lực đứng lên đòi quyền sống và bức tường Bá-Linh bị đập nát để mở đường cho các nước Xã-hội Chủ-nghĩa hòa nhập vào nếp sống dân chủ và nền kinh tế thị trường Tây phương, thì các chính biến dây chuyền đã xảy ra ở các nước Xã-hội Chủ-nghĩa Á châu. Ở Mông Cổ, sau 70 năm cô lập với thế giới bên ngoài, Mông Cổ đã từ bỏ chế độ độc tài đảng trị, tổ chức bầu cử tự do để mở đầu việc xây dựng dân chủ. Ở Cao-Ly, hai miền Nam Bắc Hàn đang tìm những căn bản hợp lý để thống nhất. Ở Trung-Hoa, hàng triệu sinh viên học sinh tại hầu hết các thành phố lớn đã nổi dậy tranh đấu cho quyền sống tự do dân chủ. Vụ đàn áp đẫm máu ở Thiên-An môn Bắc-Kinh làm xúc động lương tâm toàn thế giới có thể nói là những hành động sắt máu cuối mùa của tư tưởng bạo lực, đồng thời là dấu hiệu mở đầu những viễn ảnh mới cho một miền Đông-Nam-Á hồi sinh.

Ngày nay người ta tin rằng những diễn biến tương tự những gì đã xảy ra ở Đông-Âu sẽ xảy ra trong nay mai ở Việt-Nam và toàn miền Đông-Dương. Sự tin tưởng này có thể không quá sớm, tuy nhiên viễn ảnh ấy sẽ trở nên tốt hay xấu còn tùy thuộc ở ý chí của toàn dân và ở sự sáng suốt của nhà cầm quyền đương thời. Một mặt khác, trong tình thế suy sụp hiện tại về kinh tế, chính trị và tư tưởng, Nhà nước Xã-hội Chủ-nghĩa Việt-Nam đang tìm sự trợ giúp hoặc ít nhất tìm cách giải tỏa những mối mâu thuẫn đối với các cường quốc có liên hệ nhiều nhất với vận mệnh

đất nước là Hoa-kỳ, Liên-sô và Trung-quốc. Viễn ảnh của Việt-Nam do đó cũng tùy thuộc vào tình hình chính trị và thái độ, chính sách của các nước này.

1- Viễn ảnh Việt-Nam do tình hình đột biến ở Liên-Sô:

Khi công bố chính sách “Đổi mới”, Liên-sô hiển nhiên đã từ bỏ đường lối cách mạng bạo lực, khước từ địa vị lãnh đạo khối Cộng-sản Quốc-tế để dồn nỗ lực vào việc củng cố nội bộ đang càng ngày càng trở nên khó khăn phức tạp. Trong cơn khủng hoảng mãnh liệt về đường lối chủ nghĩa phát xuất từ thành trì lãnh đạo, không những khối Cộng-sản Đông-âu sụp đổ và các nước Xã-hội Chủ-nghĩa khắp nơi trên thế giới bị sa sút nặng nề, mà nội tình Liên-bang Sô-Viết cũng không thoát khỏi cơn sóng gió: các mâu thuẫn nội tại bùng nổ; nhiều nước Cộng-hòa trong Liên-bang Sô-viết lần lượt đứng lên tuyên bố độc lập. Cuộc chính biến tháng 8 năm 1991 đã chấm dứt cơn ác mộng của hơn 70 năm Cách-mạng Nga-Sô. Giờ đây Nga phải xin viện trợ khẩn cấp từ các nước phát triển về kinh tế để củng cố nền dân chủ đến muộn.

Từ những diễn biến của tình hình nước Nga, người ta có thể kết luận rằng Karl-Marx đã chết thật rồi và chủ nghĩa Cộng-sản đã khô héo từ gốc rễ. Sự tan rã của những cành lá còn sót lại chỉ còn là vấn đề thời gian.

2- Viễn ảnh Việt-Nam do tình hình bất trắc ở Trung quốc

Sau khi khối Đông-Âu và Liên-Sô tan rã, ở Á-châu và trên thế giới chỉ còn lại hai quốc gia thực sự tiêu biểu cho thành trì của chủ nghĩa Cộng-sản là Trung quốc và Việt-Nam. Vì những lý do sống còn, hai nước đã phải tìm lại những mối liên hệ hỗ tương.

Tuy nhiên viễn ảnh mà người ta có thể trông thấy là sự sụp đổ có thể xảy ra bất ngờ của chế độ cầm quyền ở Trung quốc. Do đó hy vọng vào khoản viện trợ có điều kiện của Trung quốc cho Việt-Nam để kéo dài cơn hấp hối kinh tế là một dự tính thiếu căn bản. Lập lại liên hệ hỗ tương quân sự với Trung-Hoa là điều hoàn toàn vô ích. Sau vụ Thiên-An Môn, nhân dân Trung-Hoa đã đo lường được mức độ thiện chí và phương thức hành động của những lãnh tụ già ở Bắc-Kinh. Vì thế, biến cố Thiên-An Môn chỉ có thể nói là diễn biến cuối cùng của giai đoạn mở đầu trong cuộc chiến đấu của nhân dân Trung quốc, nếu không muốn nói là biến cố mở đầu của một giai đoạn kết thúc. Tính cách phi nhân của cuộc đàn áp đẫm máu ở Thiên-An Môn đang bị đả kích nặng nề bởi chính những nhân vật trong nhóm cầm quyền Trung-Hoa. Sóng gió đang

xảy ra ngay trong nội tình lãnh đạo. Trường hợp chế độ hiện tại ở Trung quốc sụp đổ, người ta tin rằng Việt-Nam sẽ có cơ hội thật sự đổi mới.

3- Viễn ảnh Việt-Nam với chính sách của Hoa-Kỳ:

Dưới mắt các nhà lãnh đạo Việt-Nam hiện nay, Hoa-Kỳ vốn là đế quốc tư bản phản động đã bị đánh đuổi khỏi Việt-Nam một cách nhục nhã vào năm 1975. Nhưng Hoa-Kỳ nắm trong tay hầu hết những quyền năng phát triển về kinh tế kỹ thuật trên thế giới. Chỉ riêng việc ban hành lệnh cấm vận như một biện pháp trừng trị đối với các vụ vi phạm nhân quyền trầm trọng ở các nước kém phát triển đủ làm lung lay các chế độ đang tại vị. Việc lập được các bang giao với Hoa-Kỳ có vẻ là một viễn ảnh rất sáng sủa, vì Hoa-Kỳ ngoài khả năng kinh tế và kỹ thuật, dường như không có tham vọng đế quốc và không bị ràng buộc vào một kết ước chính trị nào có tính cách bất lợi cho Việt-Nam. Tuy nhiên, sách lược của Hoa-Kỳ không phải chỉ là mở túi chi viện cho các nước kém mở mang; Hoa-Kỳ biết xử dụng những ưu thế của mình vào những mục tiêu lâu dài và ngắn hạn. Trong chính sách có vẻ mã thượng của một dân tộc giàu mạnh mang niềm kiêu hãnh chưa từng biết thua trận, những mục tiêu trước mắt không có gì khác hơn là bắt những kẻ làm nhục mình phải quỳ gối. Tóm lại, đối với Việt-Nam ngày nay, việc thiết lập bang giao với Hoa-Kỳ là món hàng cực quý, có thể phải mua bằng giá cắt cổ.

4- Viễn ảnh Việt-Nam do cuộc tranh đấu dân chủ ở trong và ngoài nước:

Thời điểm hiện tại là một cơ hội ngàn năm để cho dân tộc Việt-Nam khôi phục lại nền tự chủ đã vắng bóng từ hơn một thế kỷ. Đây là lúc mà những biến chuyển về tâm lý, về quan niệm ở trong và ngoài nước đã đến gần nhau hơn và đã trở nên thuận tiện hơn cho một cuộc đổi mới thực sự. Đây cũng là lúc trình độ dân trí đã đủ chín chắn để có thể tự lực xây dựng một đất nước tự chủ, một xã hội tự do công bằng trong tình người và nghĩa làm người.

Đất nước cần sự thay đổi và không thể không có sự thay đổi.

Tuy nhiên một cuộc đổi mới nếu không phải là những thay đổi thực sự, đúng với khát vọng của toàn dân thì sẽ trở nên vô cùng tai hại, vì nó sẽ vĩnh viễn mang đất nước xuống vực thẳm và đưa toàn dân tộc đến hoàn cảnh bị lường gạt thách thức.

Ngược lại, nếu người Việt-Nam biết đồng tâm quật khởi cứu nguy đất nước, hải ngoại và quốc nội là một, thành tâm giải quyết mọi vấn đề, tự lực xóa bỏ định kiến và phá bỏ những thành trì trở ngại để dựng lại niềm

tin, thì từ đó người ta có thể dựng lại một đất nước mới trên những hoang tàn đổ vỡ cũ, mà không cần phải cầu cứu khẩn nài một siêu cường nào giúp đỡ. Một nền chính trị tự chủ, một xã hội nghèo nàn nhưng ổn định và một dân tộc biết đồng tâm vượt gian lao là những yếu tố mạnh mẽ nhất thu hút sự đầu tư phát triển của tất cả các nước tư bản giàu mạnh trên thế giới.

B-NHỮNG GIẢI PHÁP ĐÃ ĐƯỢC NÓI TỚI.

Những viễn ảnh của đất nước có thể tùy thuộc vào những biến chuyển trên thế giới, nhưng những giải pháp cho Việt-Nam là vấn đề của người Việt-Nam. Do đó có rất nhiều giải pháp đã được nói tới, ở trong nước cũng như hải ngoại, bao gồm từ những biện pháp mạnh cho đến những giải pháp ôn hòa, từ những giải pháp chính trị đến những vận động kinh tế, ngoại giao.

1- Các giải pháp mạnh:

Ở một nước mà chính quyền không được xây dựng trên những căn bản dân chủ, những biện pháp mạnh luôn luôn được đề cập. Một cuộc tổng khởi nghĩa, tổng nổi dậy của các lực lượng vũ trang và nhân dân để xóa bỏ chế độ độc tài là giải pháp được cổ vũ mạnh mẽ bởi các khuynh hướng chống đối chế độ một cách quyết liệt. Ngược lại, sử dụng những phương tiện của chế độ và bạo lực cách mạng để bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ chế độ một cách triệt để là biện pháp của nhà cầm quyền đương thời ở Việt-Nam.

2- Các giải pháp ôn hòa:

Các giải pháp ôn hòa nảy nở từ quan niệm "Cởi mở" và "Đổi mới". Trong khi nhà nước chỉ sẵn sàng đổi mới Tư duy kinh tế để có thể lợi dụng sự trợ giúp và lôi kéo sự đầu tư của khối kinh tế tư bản, thì dân chúng muốn mượn đà cởi mở để đổi mới chế độ; xóa bỏ cơ cấu chính trị độc đảng để xây dựng các cơ chế dân chủ. Một nền chính trị đa đảng, đa nguyên là giải pháp được đề nghị bởi nhiều nhân sĩ có tiếng tăm trong và ngoài nước.

3- Các giải pháp kinh tế:

Giải pháp của nhà nước Xã-hội Chủ-nghĩa là đổi mới kinh tế, bổ xung hệ thống pháp luật kinh tế, chuyển từ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường để thu hút sự đầu tư của nước ngoài và để khắc phục các vấn đề chính trị.

Giải pháp do một số khuynh hướng không chấp nhận chế độ chủ trương là mượn sức mạnh của kinh tế tư bản, dùng kinh tế để chuyển hóa chính trị nhằm thay đổi chế độ chính trị trong nước.

4- Các giải pháp chính trị:

Giải pháp được một số nhân sĩ mệnh danh là thành phần thứ ba cổ võ là thành lập một chế độ trung lập, không liên kết, được quốc tế công nhận.

Giải pháp được đa số trí thức trong và ngoài nước kêu gọi là bãi bỏ chế độ độc quyền độc đảng, tổ chức bầu cử tự do để tiến đến một nền dân chủ thực sự.

5- Các giải pháp ngoại giao:

Khuynh hướng ngoại giao chủ trương dùng ngoại giao để chuyển hóa tình hình chính trị trong nước; vận động một giải pháp quốc tế, trên căn bản hiệp định Genève năm 1954 và hiệp định Paris năm 1973 để đưa ra một cách giải quyết hợp lý và hợp pháp cho vấn đề Việt-Nam. Trong khi đó, Nhà nước Xã-hội Chủ-nghĩa cũng tiến hành những giải pháp ngoại giao nhằm kết thân với các nước Tây phương để giải tỏa những áp lực kinh tế và chính trị.

C-NHẬN ĐỊNH VỀ NHỮNG BIẾN CHUYỂN TÂM LÝ VÀ QUAN NIỆM Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

Tìm ra một giải pháp vẹn toàn cho đất nước trong những điều kiện chính trị hiện tại và trong tình trạng ly tán của lòng người là một điều gần như không thể có được:

— **Những biện pháp bạo động dường như không phải là giải pháp thực tế trong tình thế hiện tại và không có gì chắc chắn nó sẽ đưa đến một viễn ảnh tốt đẹp cho đất nước.**

— **Những giải pháp ôn hòa khó đạt được những căn bản vững chắc để có thể đáp ứng những khát vọng thực sự của người dân.**

— **Hy vọng vào sự trợ giúp của các siêu cường để giải tỏa hoặc chuyển hóa những vấn đề kinh tế và chính trị có thể chỉ là những ảo tưởng nguy hại, làm cho đất nước càng ngày càng bị thao túng bởi các thế lực siêu cường.**

— Trông cậy vào thế lực quốc tế để tìm một giải pháp ngoại giao chỉ là sự mong đợi quá nhiều ở người ngoại cuộc.

— Cuối cùng sự kêu gọi "hòa hợp hòa giải" dân tộc lại không phải là điều thiết thực vì giữa nhân dân Việt-Nam vốn không có mối bất hòa nào cả. Người dân đều nhìn thấy như nhau thực trạng của một đất nước tan nát rã rời. Người dân đều hiểu rõ như nhau những nguyên nhân đã đưa dân tộc tới tình trạng bi thảm. Kêu gọi mọi người "hòa hợp hòa giải" mà không thẳng thắn pha vỡ những yếu tố đã đưa dân tộc tới thảm họa suy vong, đã kèm hãm người dân trong vòng nô lệ, thì không thể có ý nghĩa gì khác ngoài sự lừa gạt.

Xét như vậy thì dường như tất cả các giải pháp đã được nói tới đều không mấy thỏa đáng. Tuy nhiên nhận xét về những biến chuyển đồng bộ về tâm lý và quan niệm đang xảy ra ở trong và ngoài nước, người ta tin rằng một giải pháp cho Việt-Nam đang có cơ hội khai thông.

Trước hết, từ tâm lý bi quan rất phổ quát của thập niên 70, ngày nay người ta tin tưởng một cách chắc chắn rằng các nước Cộng-sản trên thế giới đương nhiên sẽ phải sụp đổ, tất cả chỉ còn là vấn đề thời gian. Từ tâm lý chủ quan ấy, nhận thức đã thay đổi ngược hẳn lại với lúc trước.

Những biến chuyển nhận thức và chính trị cũng trở nên rõ rệt theo những biến chuyển của tình hình thế giới.

Trước hết, khi nhu cầu đổi mới trở thành chính sách của nhà nước, chế độ đã nhận thấy sự cần thiết phải đổi mới mọi cơ cấu kinh tế theo nền kinh tế thị trường Tây phương, nói rộng tự do đi lại để Việt kiều hải ngoại về thăm đất nước tìm cơ hội kinh doanh. Cùng lúc đó, về phía chống đối chế độ, người ta nhận thấy biện pháp võ lực dường như đã không còn thích hợp nữa; những giải pháp ngoại giao và kinh tế được nói tới.

Giai đoạn kế tiếp, giải pháp vận động ngoại giao được nhận thấy không còn thích hợp nữa khi những biến chuyển trên bàn cờ quốc tế đã đưa tới tình trạng các siêu cường có thái độ thờ ơ trước những tranh chấp cục bộ, không còn coi Đông-Dương là điểm nóng cần phải nỗ lực giải quyết.

Khi những giải pháp chính trị đã được nói tới, thái độ của người Việt hải ngoại cũng không còn tính cách tiêu cực, người ta sẵn sàng nghe và đối thoại với chế độ. Quan niệm "Giải trừ Cộng-sản" từ phía chống đối chế độ được chuyển vào những ý niệm then chốt là giải trừ bạo lực và đối trá. Trong khi ấy, tiếng nói người dân trong nước càng ngày càng trở

nên mạnh mẽ hơn với sự đòi hỏi chế độ phải từ bỏ cách mạng bạo lực và độc quyền chính trị. Các thành phần nhân sĩ có thể lực trong nước lên tiếng yêu cầu sửa đổi hiến pháp, thành lập các cơ cấu dân chủ. Những quan niệm về dân chủ được bình luận một cách rộng rãi, những kế hoạch đổi mới chính trị được đề nghị một cách công khai. Đồng thời ở hải ngoại cũng đưa ra những quan điểm về xây dựng dân chủ, về chính sách kinh tế hậu Cộng-sản...

Những biến chuyển nhận thức nêu trên cho thấy chưa bao giờ quan điểm của người dân trong nước và hải ngoại gần nhau đến thế. Đây là một dấu hiệu đáng lạc quan khi người dân Việt cả trong và ngoài nước đang cùng nhìn về một viễn ảnh mới.

Viễn ảnh của một nước Việt-Nam thật sự đổi mới đúng với khát vọng của toàn dân là chuyện không thể xảy ra trong một sớm một chiều, nhưng cũng không phải là chuyện không thể làm được. Người dân đang khao khát dân chủ, tự do và một đời sống ấm no trong tình tự dân tộc. Nhìn sang Trung-quốc, vụ Thiên-An Môn bùng nổ không phải vì chế độ không muốn cải thiện nền kinh tế để cho dân chúng được ấm no hơn, mà chỉ khát vọng chân chính về một nền tự do dân chủ của nhân dân Trung-quốc bị miệt thị do sự thiếu sáng suốt của kẻ lãnh đạo. Như vậy, ngoài những mục tiêu xã hội và kinh tế, những đổi mới về chính trị là điều tối ư cần thiết. Nhưng trong viễn ảnh của một cuộc đổi mới, không hẳn chỉ cần có những hình thức dân chủ, một chế độ đa đảng đa nguyên được giải thích theo cách này hay cách khác, là đạt được mục tiêu dân chủ, là thỏa mãn được những khát vọng của nhân dân và giải quyết được mọi vấn đề phức tạp của đất nước. Chế độ dân chủ và các cơ cấu dân chủ như hiến pháp, quốc hội, phổ thông đầu phiếu, chế độ đa đảng...trên thế giới đã cho ta thấy nó cũng không phải là cây đũa thần vạn năng có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề của xã hội loài người. Hiến pháp chỉ là một bản khế ước giữa các phần tử trong một quốc gia. Một khế ước sẽ không có giá trị hơn một tờ giấy lộn bao nhiêu nếu các thành phần liên hệ đang rắp tâm lừa dối lường gạt lẫn nhau. **Điều cần xác tín là phải dứt bỏ mọi ảo tưởng.** Trời không giúp ta, đất không giúp ta, chủ nghĩa Xã-hội, chủ nghĩa Tư-bản không giúp ta, cả Chuyên-chính Vô-sản lẫn Dân chủ Đa nguyên cũng không giúp ta, các cường quốc anh em, từ anh em Xã-hội Chủ-nghĩa đến anh em Dân-chủ Tự-do cũng không giúp ta nếu chính ta không tự giúp ta. **Chỉ có sức mạnh của toàn dân, sự sáng suốt của toàn dân, nỗ lực bền bỉ của toàn dân mới đủ sức đưa đất nước ra khỏi tình trạng phân hóa, rã rời, nghèo đói suy đồi, lạc hậu...**

IV. KHÁT VỌNG NGƯỜI DÂN VIỆT.

Vấn đề đang được nói đến nhiều nhất ở Việt-Nam ngày nay là việc đổi mới chính trị để xây dựng dân chủ, hay để tiến đến một nền dân chủ thật sự. Đây chính là bước tiến có tính cách quyết định trong sự nghiệp làm hồi sinh đất nước của người Việt-Nam.

Dân chủ là gì?

Người dân bình thường nghĩ rằng nếu đã có sự định nghĩa dân chủ theo kiểu mẫu này thì tất sẽ phải có sự giải thích theo khuôn khổ kia.

Người dân bình thường hiểu rằng chữ "Dân chủ" có một ý nghĩa rất bình dị là người dân được quyền làm chủ; "Tinh thần dân chủ" được thể hiện ở sự xử dụng **cái nhiều**, nhưng cũng trân trọng **cái ít** để có sự kế thừa tiếp nối; và "Chế độ dân chủ" được nhận thấy ở sự kiện rất tự nhiên là người dân, ngoài quyền làm chủ phương tiện sinh sống của mình, còn có quyền công khai làm chủ những ý nghĩ của mình, tức là có thể nói lên hoặc viết ra những ý nghĩ của mình một cách công khai, ngay cả những ý kiến phê bình chỉ trích chế độ để góp phần xây dựng quốc gia chung mà không sợ bị ai khủng bố, bắt bớ, giam cầm, tra vấn. Hiểu biết về tinh thần dân chủ và chế độ dân chủ như thế thì quá thô sơ thiếu sót; nhưng nếu không được như thế thì chế độ dù có được gọi là dân chủ theo khuôn thước này hay kiểu mẫu kia, cũng chỉ là dân chủ hình thức, dân chủ giả hiệu, hoặc là chế độ chủ dân đã được nói ngược đi cho dễ nghe mà thôi.

Trong sự nghiệp làm hồi sinh đất nước, câu hỏi sinh tử cần được nêu lên là: "**Người dân muốn gì? Người dân đang mơ ước gì?**". Cùng một câu hỏi như thế, ở những xã hội bình thường người ta hỏi dân chúng một cách vui vẻ lễ độ rằng: "*Các bạn muốn những gì phải được chính phủ thực hiện? Các bạn có những mơ ước gì không?*" và ở trong trại tập trung các cai tù hỏi nhau một cách khấn trương rằng: "*Chúng nó muốn gì? Chúng nó đang âm mưu gì?*".

Cho dù đang ở trong nhà tù hay đang sống trong một xã hội văn minh, những khát vọng tốt cùng của người dân cũng không khác xa nhau mấy. Những khát vọng đó là những phát biểu tự nhiên của bản năng sinh tồn và của trí tuệ con người, liên hệ đến các phạm vi rộng hẹp khác nhau của đời sống:

– Ở phạm vi cá nhân, khát vọng đó là **một cuộc sống no ấm, an vui, có ý nghĩa**;

- Ở phạm vi ngoài cá nhân, niềm khao khát đó là **một xã hội đáng sống**;
- Ở tầm mức dân tộc và nhân loại, niềm mơ ước đó là **một quốc gia tự chủ và phát triển, sánh vai cùng các nước anh em trên thế giới**.

1- THẾ NÀO LÀ MỘT CUỘC SỐNG ẨM NO, AN VUI VÀ CÓ Ý NGHĨA?

Phương tiện sống, Quyền sống, Lễ sống là ba ý niệm căn bản của đời sống cá nhân. Một cuộc sống ẩm no, an vui và có ý nghĩa chỉ có thể có được nếu Phương tiện sống được đầy đủ, nếu Quyền sống người dân được bảo đảm và nếu lễ sống con người được tôn trọng.

– Phương tiện sống được đầy đủ:

Nước ta tuy chưa phải là một nước giàu có và phát triển, nhưng cũng không phải không có những ưu đãi của thiên nhiên: Ba miền đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Cửu; rừng núi trùng trùng điệp điệp từ Bắc xuống Nam cung ứng nguồn tài nguyên thiên nhiên; một giải duyên hải dài gần 4 ngàn cây số với vùng thềm lục địa chưa khai thác. Trước chiến tranh Đông-Dương, Việt-Nam là nước xuất cảng lúa gạo đứng hàng thứ ba ở Á-châu. Ngày nay dân số có gia tăng gấp bội, nhưng với những phương tiện kỹ thuật tiến bộ hơn, với sức bền bỉ biết hòa mình để khắc phục con người, chắc chắn dân chúng Việt-Nam không thể lâm vào tình trạng đói kém. Với truyền thống nông nghiệp, đa số dân chúng Việt-Nam sống về nghề làm ruộng và tiểu công nghệ. Người dân tin rằng bao giờ ruộng đất trả lại cho nông dân thì đồng sẽ xanh, lúa sẽ tốt và ước vọng về một đời sống ẩm no chắc chắn sẽ thành tựu được ít nhất trên những bước căn bản. Người dân tin rằng bao giờ người lao động - dù lao động trí thức hay lao động chân tay - được hưởng những thành quả lao động của chính mình một cách xứng đáng và hợp lý, thì mọi người sẽ ra sức làm việc, năng suất sẽ tăng, xã hội sẽ ổn định trù phú, mang lại đời sống ẩm no cho tất cả mọi người.

* Người dân được làm chủ phương tiện sinh sống của mình là điều kiện căn bản để xây dựng đời sống an lạc cho toàn dân.

– Quyền sống người dân được bảo đảm:

Một đời sống ẩm no là điều kiện cần để con người được an vui, nhưng niềm an vui thực sự chỉ có thể nảy nở nếu quyền sống của người dân được bảo đảm.

- Hãy đập tan những nhà tù trại giam ô nhục để mở đầu cho sự nghiệp làm hồi sinh đất nước, vì đó không phải là sản phẩm của trí tuệ loài người.

- Hãy quét sạch những tư tưởng bạo hành khủng bố để làm tươi sáng lại một bầu trời đất nước đã quá ngột thở vì khói của bom đạn và chất độc của thuốc khai quang.

* Sự khôi phục và bảo đảm quyền làm người là điều kiện thiết yếu để gây dựng niềm an vui của mỗi cá nhân trong tình tự dân tộc.

– Lễ sống con người được tôn trọng:

Con người đội trời đạp đất vốn có sẵn cái lễ sống tự chủ bất khuất nẩy nở trong tâm thức bao dung bình đẳng. Con người không sinh ra để làm nô lệ. Con người không sinh ra trong bản chất căm thù. Con người sinh ra có quyền hưởng không khí trong lành của tự do, hòa đồng, bác ái. Con người sống sạch thác trong, không ai có quyền bắt nó phải sống kiếp trâu cây ngựa cưỡi. Con người cầu tiến biết vươn lên trong ánh sáng của trí tuệ, biết chan hòa trong tâm thức yêu thương; không ai có quyền bắt kẻ viết văn phải bẻ cong ngòi bút viết đen thành trắng, bắt người cô thế phải uốn lưỡi nói trắng thành đen.

* Sự tôn trọng lễ sống con người là biểu lộ tinh thần nhân bản trong nếp sống loài người.

2- THẾ NÀO LÀ MỘT XÃ HỘI ĐÁNG SỐNG?

Từ những tương quan giữa Người và Người, Người với thiên nhiên, Người với khoa học kỹ thuật, khát vọng của người dân về một xã hội đáng sống là những mơ ước rất tự nhiên.

– Trong tương quan giữa Người và Người:

* Người dân muốn thấy một xã hội công bằng, không còn áp bức khủng bố; không còn dối trá lọc lừa; không còn cảnh người bóc lột người, người phải làm nô lệ cho người.

* Người dân muốn có một xã hội văn minh, trong đó con người được quý trọng, con người có đầy đủ quyền làm người bao gồm cả dân quyền và nhân quyền.

* Người dân muốn xây dựng một xã hội chan hòa tình dân tộc, đầm ấm nghĩa đồng bào, một xã hội mà nếp sống thể hiện những nét đặc thù cao quý của văn hóa Đông phương: một xã hội mà người không bóc lột người, người không hành hạ người, người được làm người.

– Trong tương quan Người với thiên nhiên:

* Người dân mong muốn một xã hội mà người biết sống hòa hợp với thiên nhiên: đất nuôi ta, ta nuôi đất; người biết thích ứng với thiên nhiên; bảo vệ môi sinh và bồi đắp thiên nhiên.

* Người biết xử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, không nô lệ cho phương tiện, không lạm dụng vật chất, đồng thời không bị kẻ khác xử dụng năng lực vật chất để khống chế.

– Trong tương quan Người với khoa-học kỹ-thuật:

* Người biết sống thích ứng với thiên lý, tức là biết mở rộng kiến thức, học hỏi và áp dụng khoa học kỹ thuật để làm phong phú đời sống.

* Nhưng người không cúi đầu sùng bái nền văn minh kỹ thuật, không làm nô lệ cho phương tiện kỹ thuật, cũng không lạm dụng những phát minh kỹ thuật.

* Sau hết, người không xử dụng khoa học kỹ thuật để khống chế người.

3- THẾ NÀO LÀ MỘT QUỐC GIA TỰ CHỦ VÀ PHÁT TRIỂN?

Trong tương quan thế giới, ở thế kỷ vượt tiến của nền văn minh kỹ thuật cao độ, loài người vẫn còn nguyên vẹn những ám ảnh của những dân tộc bị trị đối diện với những đế quốc chinh phục, của nhược tiểu đối diện với siêu cường. Trong ánh sáng của nền văn minh vật chất hiện đại, bản năng sinh tồn của thời xa xưa vẫn còn xuất hiện trong tiếng reo mừng chiến thắng trên đồng xương khô của đồng bào và đồng loại.

– Thoát khỏi cảnh tang thương nhục nhã của một thời nô lệ, xa dần những ám ảnh tàn phá của chiến tranh, người dân cảm thấy không còn cần thiết những chiến tích lẫy lừng, mà chỉ mong muốn được dựng cao ngọn cờ tự chủ trên quê hương đất nước như đại nghĩa dân tộc, như dấu vết văn hiến ngàn năm của giống nòi. **Ý niệm quốc gia tự chủ sẽ xóa tan những ám ảnh về siêu cường và nhược tiểu, về dân tộc bị trị và đế quốc xâm lăng.**

– Người dân không mong muốn một nền văn minh thuần vật chất biến con người thành nô lệ cho kỹ thuật và thành nạn nhân của nhu cầu. **Khát vọng về một quốc gia phát triển là khát vọng về một nền văn minh trọn vẹn, hòa hợp sự tiến bộ kỹ thuật hiện đại với những giá trị bất biến của nền văn minh tinh thần đã có từ ngàn xưa.**

Một quốc gia tự chủ và phát triển sẽ có thể an nhiên sánh vai cùng tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt lớn nhỏ, mạnh yếu trên căn bản bình đẳng, tương kính, tương trợ để cùng nhau bước vào kỷ nguyên văn hiến mới của nhân loại. Nhưng niềm khát vọng cao nhất của người dân về một quốc gia tự chủ và một dân tộc tiến bộ chỉ có thể thực hiện được nếu những ước vọng bình thường hơn được thực hiện.

Nếu như sẽ có một giải pháp trọn vẹn cho đất nước thì giải pháp ấy tất không thể không nói đến những khát vọng bình thường và tha thiết của người dân.

V. GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ:

PHÁ CHƯỠNG NGẠI, DỪNG LẠI NIỀM TIN, HỢP TÁC TOÀN DÂN ĐỂ LÀM HỒI SINH ĐẤT NƯỚC.

Từ thực trạng một đất nước tan nát, một dân tộc chia lìa hơn nửa thế kỷ, Việt-Nam ngày nay là một trong những nước nghèo đói và chậm tiến nhất trên thế giới. Không những xã hội Việt-Nam đầy rẫy những áp bức, bất công, tranh giành, đòì trụy, dân tộc Việt-Nam còn bị phân hóa rã rời thành từng mảnh vụn khiến lòng người càng ngày càng ly tán.

Trong giai đoạn lịch sử cận đại, mọi sinh hoạt chính trị đều không có sự bao dung hợp tác, khiến cho dân tộc mất đi những ngẫu lực tiến hóa cần thiết. Định kiến và ý thức hệ che kín tầm mắt. Nghi kỵ, hận thù bóp nghẹt tiếng nói của lương tri. Không những thế, những vết hằn sâu của bạo lực khủng bố đã làm cho người dân trở nên sợ sệt hèn yếu, không dám đứng dậy đòi hỏi quyền làm người trong một thế giới văn minh và quyền làm dân trong một quốc gia tự chủ.

Trong nếp sống văn hóa, những giá trị ngàn đời của dân tộc không còn được quý trọng, khiến cho tinh thần vọng ngoại trở thành căn bệnh trầm kha.

Tình trạng phá sản toàn bộ đó đòi hỏi phải có một giải pháp toàn bộ vì mọi giải pháp nửa vời trước sau đều sẽ chỉ đưa đến bế tắc.

Thế nào là một giải pháp toàn bộ?

Một giải pháp được gọi là toàn bộ cần đưa đến việc giải quyết từ căn bản toàn bộ những vấn đề then chốt:

- Phá huỷ được toàn bộ những chướng ngại cho việc hợp tác;
- Vận dụng được toàn bộ sự hợp tác của toàn dân;
- Đáp ứng được toàn bộ những khát vọng căn bản của người dân.

Dù muốn hay không, một giải pháp toàn bộ cho đất nước cũng cần phải quy được nhân tâm về một mối, dù có phải vì thế mà phá huỷ đi những chướng ngại đất giá nhất.

Dù muốn hay không, một kế hoạch toàn bộ làm hồi sinh đất nước cũng cần phải kết hợp được toàn dân, vì chỉ có sức mạnh của toàn dân, sự sáng suốt của toàn dân, nỗ lực bền bỉ của toàn dân mới đủ sức đưa đất nước ra khỏi tình trạng phân hóa, rã rời, nghèo đói, suy đồi và tử nhục.

Với những lý do nêu trên, giải pháp sau đây được đề nghị với ba kế hoạch liên tục:

- 1- Phá chướng ngại để dựng lại niềm tin;**
- 2- Đặt một căn bản cho cuộc hợp tác toàn dân;**
- 3- Hợp tác toàn dân để xây dựng lại đất nước.**

1- PHÁ CHƯỚNG NGẠI ĐỂ DỰNG LẠI NIỀM TIN:

Để có được sự đồng tâm hiệp lực nơi toàn dân, điều cần phải làm được là gây dựng lại niềm tin đã mất trong lòng người.

Cần phải khẳng định rằng niềm tin không thể có được nếu con người còn đối xử với nhau bằng thủ đoạn lọc lừa, bằng hận thù khủng bố. Niềm tin chỉ thực sự trở lại khi những chướng ngại về tư tưởng, về chính trị... đã được phá huỷ. Niềm tin chỉ thực sự hồi sinh khi mọi người cùng thức tỉnh trong tinh thần bình đẳng, tự chủ, bất khuất.

Vậy điều cần thiết là phải công khai phá huỷ những chướng ngại để dựng lại niềm tin nơi toàn dân. Nhưng đâu là những chướng ngại cần phá huỷ?

Những chương ngại có thể rất nhiều, thí dụ như danh xưng, hình thức, nhân sự; tuy nhiên những điều đó chưa phải là những trở ngại quan trọng. Kế hoạch “**Phá chương ngại**” chỉ đề nghị phá hủy toàn bộ những chương ngại căn bản:

- Hủy bỏ mọi chủ nghĩa dựa trên bạo lực và dối trá;
- Hủy bỏ mọi chủ nghĩa khai thác hận thù giữa các thành phần trong xã hội;
- Giải tán tất cả các đảng phái chủ trương bạo lực và giành độc quyền lãnh đạo quốc gia cho một cá nhân, một đoàn thể, một đảng phái, một giai cấp hoặc một thành phần nào trong xã hội;
- Loại bỏ mọi chủ thuyết văn hóa phi nhân hủy diệt tình người để đặt lại những căn bản cần thiết cho việc xây dựng lại xã hội và con người.
- Phá bỏ các trại tập trung, thả tất cả tù chính trị, các nhà văn, các tu sĩ đang bị giam cầm vì lý do bất đồng tư tưởng, phản kháng văn hóa...

2- ĐẶT MỘT CĂN BẢN CHO CUỘC HỢP TÁC TOÀN DÂN:

Trước khi có thể tiến hành công cuộc dựng lại đất nước, dựng lại một xã hội công bằng, nhân ái, tự do... bằng sức mạnh của toàn dân, điều tối cần là phải thiết lập được một căn bản vững chắc cho cuộc hợp tác toàn dân. Căn bản ấy không thể được lập bằng sự chia chác những đặc lợi, trái lại nó cần phải được lập bằng sự xóa bỏ những dấu vết đã có sẵn, để từ đấy xóa bỏ hận thù, chia rẽ, nghi kỵ, làm cho mọi người có thể xích lại gần nhau hơn trong tình dân tộc, nghĩa đồng bào.

Trong những năm vừa qua, hai khối Tự-do và Cộng-sản trên thế giới đã xích lại gần nhau, xóa dần những mối hận thù nghi kỵ để chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh triền miên và thiết lập trật tự mới cho nhân loại, ấy là nhờ vào một giải pháp được mệnh danh là “**Giải pháp số không**”: không chạy đua võ trang, không nhìn nhau bằng cặp mắt thù địch.

Dân tộc Việt-Nam hiện nay đang cần một giải pháp tương tự như vậy: một “**Giải pháp không người thắng kẻ thua**”.

Đây là giải pháp đơn giản nhất để toàn dân có thể cùng nhau hợp tác từ số không, gồm 4 điểm:

- 1- Không bạo lực.
- 2- Không dối trá.
- 3- Không chủ nghĩa.
- 4- Không hận thù.

Bốn điểm bao gồm trong một điểm: Không kẻ thắng người thua.

Lý do nào khiến người dân dễ chấp nhận cái Không hơn là cái Có?

Vì có bạo lực, con người ta đã có tất cả sự độc ác, đốn hèn; vì có Dối trá, con người đã có tất cả những u mê tăm tối; vì có Chủ-nghĩa, con người đã có đủ xiềng xích để tự trói mình vào những khuôn mẫu tư tưởng tù túng chật hẹp; vì có Hận thù, con người đã có trọn vẹn những lý do để từ chối lẽ sáng của trí tuệ và tiếng nói của lương tâm.

“Không bạo lực, Không dối trá, Không chủ nghĩa, Không hận thù” phải là nội dung của một bản Tuyên ngôn Hợp tác Dân-tộc trong thế kỷ của Bạo lực, Dối trá, Chủ nghĩa, Hận thù. Từ bốn điều “**Không**” ấy đất nước sẽ bừng lên niềm hy vọng.

Giải pháp “**Không kẻ thắng người thua**” như trên không nhằm mang lại chiến thắng cho bất cứ một ai. Chỉ có Tình người thắng Bạo lực; chỉ có lòng thành thực thắng sự dối trá; chỉ có Lương tâm con người thắng sự độc ác; chỉ có Trí sáng suốt thắng những định kiến u mê. Đây chính là tinh thần “Tã trắng thắng cờ hồng” của ngục sĩ Nguyễn-chí-Thiện và cũng chính là giải pháp đã được Thủ-tướng Kohl nước Đức áp dụng để hàn gắn dân tộc Đức sau gần nửa thế kỷ hận thù chia cắt hai bên lẫn ranh ý thức hệ.

3- HỢP TÁC TOÀN DÂN ĐỂ XÂY DỰNG LẠI ĐẤT NƯỚC:

Sau khi những chương ngại làm mất niềm tin nơi toàn dân đã được công khai phá hủy, sau khi **Giải pháp không người thắng kẻ thua** đã được đặt làm căn bản cho cuộc hợp tác toàn dân, công cuộc xây dựng lại đất nước cần phải được trao lại cho toàn dân trên những nguyên tắc sau đây:

a) Lập diễn đàn tự do:

Chính quyền đương thời cam kết bảo đảm các quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do hội họp... của người dân.

- Công khai và thẳng thắn đón nhận tất cả những ý kiến độc lập cũng

như đối lập ở trong nước và hải ngoại về việc xây dựng lại đất nước qua các Diễn đàn Tự do.

b) Đặt lại những nguyên tắc chính trị căn bản:

- Nhìn nhận những quyền căn bản của con người theo tinh thần Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân-Quyền.

- Công bố việc trao trả lại chủ quyền quốc-gia cho toàn dân.

- Đón nhận và công bố những ý kiến của toàn dân trong việc xây dựng thể chế tương lai cho đất nước.

- Trưng cầu dân ý về thể chế chính trị và đường lối kinh tế quốc gia.

c) Đặt lại những căn bản cần thiết cho việc dựng lại xã hội và con người:

- Đồng thời với sự hồi sinh về chính trị, kinh tế, một xã hội nhân bản phải được hồi sinh trên căn bản Tình-người và nghĩa-làm-người.

- Việc dựng lại xã hội và con người cần phải được thực hiện bằng một chính sách văn hóa giáo dục tự chủ và bao dung được thăm dò qua ý kiến người dân và được toàn dân đồng chấp thuận.

Hoàn cảnh lịch sử đầy thuận tiện cho một cuộc hợp tác dân tộc để xây dựng lại đất nước đang đặt những nhà lãnh đạo, những nhân sĩ trong và ngoài nước trước những trách nhiệm không thể chối từ. Sau 30 năm đối diện trên chiến trường, thời gian của hơn 15 năm suy nghiệm về những nguyên nhân đưa dân tộc tới tình trạng lạc hậu và phân hóa cùng cực ngày nay đã đủ để rút tĩa được một đôi điều hữu ích. Đây chính là lúc để các nhà lãnh đạo chứng tỏ lòng yêu nước và tình thương đồng bào của mình. Đây cũng chính là lúc để toàn dân chứng tỏ sự quyết tâm xây dựng lại một quê hương tự chủ, một dân tộc văn hiến, bất khuất.

Trong khi toàn thế giới đang dũng mãnh bước vào kỷ nguyên văn minh mới, lịch sử sẽ không tha thứ cho bất cứ một ai còn cố ý dìm chết tương lai dân tộc trong những vũng lầy của định kiến và ý thức hệ.

Đất nước đang cần sự hợp tác của toàn dân và không thể không có sự hợp tác của toàn dân.

Một giải pháp cho cuộc hợp tác toàn dân đòi hỏi những người có trách nhiệm phải tự phá tan những chướng ngại đã gây nên sự mất niềm tin nơi người dân. Giải pháp ấy cũng đòi hỏi mọi người phải can đảm đặt một khởi điểm cho sự hợp tác. Khởi điểm được đề nghị là một Giải pháp không người thắng kẻ thua.

Khi niềm tin đã trở lại với lòng người và khi người dân đã có đầy đủ lý do để cùng bắt tay vào việc xây dựng lại đất nước, thì mọi khó khăn trong các lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... sẽ chẳng còn là những nan đề không thể giải quyết.

KẾT TỪ

Trong cơn bẽ dẫu của dân tộc đã kéo dài non nửa thế kỷ làm đảo lộn mọi nếp sống an vui, người dân luôn luôn nghĩ đến một điều rất bình thường trong đạo sống tự nhiên của muôn loài:

*Cây có gốc mới nảy cành xanh ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.*

Người dân Việt vẫn thường tin tưởng rất sâu xa ở những giá trị ngàn đời đã nuôi lớn dân tộc mình, ở **nền Văn-hiến**, ở ý thức tự chủ đã từng bao nhiêu lần làm chùn vó ngựa chinh phục của Bắc phương. Vậy mà cho đến nay đôi khi cũng có những nghi vấn được nêu lên như: "Làm sao tìm được một chủ thuyết làm nền tảng cho việc xây dựng đất nước?".

Người dân nghĩ rằng có lẽ chưa có một nền triết lý chính trị nào đã thể hiện được tính nhân bản tự nhiên như nền Văn-hiến của tiền nhân ta; vì Văn-hiến vốn thật là một nền chính trị nhân bản, là nền tảng của một nếp sống văn minh trọn vẹn ở đáy sự tỏa sáng của trí tuệ con người đã hòa cùng sự tiến bộ văn hóa kỹ thuật qua từng thời đại. Văn hiến thể hiện ở những tinh hoa của các nền dân chủ Đông Tây. Văn hiến nảy nở ở giấc mơ nhân bản của thế giới. Văn hiến tiềm tàng trong từng bước tiến nhỏ bé của con người.

Vì **vững tin vào bước tiến con người**, người dân Việt đã có thể chia sẻ quan niệm tiến hóa của nhà vật lý học Einstein: "**Không có một tiến trình cách mạng nào đối với loài người cả**". Cho nên nếu như sẽ có một mùa đổi mới trên quê hương yêu dấu, người dân Việt hằng mong ước rằng nó sẽ không phải là một mùa lá đổ, trút sạch những tinh hoa của dân tộc xuống những vũng lầy ý thức hệ; nó cũng sẽ chẳng phải là một

mùa xuân xứ lạ đầy rẫy những sắc cũ hương thừa. Nó phải là những thăng hoa của Tình người và Nghĩa làm người, của đạo sống muôn loài được thể hiện trong nếp sống dân chủ, trong tinh thần tự chủ muôn đời của dòng giống Việt bất khuất.

Trong ánh sáng vinh quang, an lạc của Tình người và Nghĩa làm người, một nước **Việt-Nam Văn-hiến** đang chờ đợi những khối óc sáng tạo, những bàn tay xây dựng của toàn dân.

Bản Bạch thư xin được chấm dứt nơi đây, nhưng những điều tâm huyết chứa đựng xin được toàn thể đồng bào Việt-Nam trong và ngoài nước chia xẻ, hưởng ứng, để cùng nhau quyết tâm san bằng những trở ngại, xây dựng lại một nước Việt-Nam ngàn đời an lạc tự chủ.

Thành kính - Trân trọng,

Vũ Thanh Thư

Nguồn: <http://nguoidanbinhthuong.org>

Nam Phong sao lục
Cập nhật ngày 29/1/4899

www.vietnamvanhien.org

